

Số: 455/QĐ-ĐHHD

Hải Dương, ngày 27 tháng 5 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ ban hành kèm theo Quyết định số 555/QĐ-ĐHHD ngày 28/9/2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Hải Dương

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC HẢI DƯƠNG

Căn cứ Luật Giáo dục - Luật số: 43/2019/QH14 ngày 14/6/2019; Luật Giáo dục đại học - Luật số: 08/2012/QH13 ngày 18/6/2012; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học - Luật số: 34/2018/QH14 ngày 19/11/2018;

Căn cứ Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học;

Căn cứ các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ: Quyết định số 1258/QĐ-TTg ngày 26/7/2011 về việc thành lập Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Hải Dương trên cơ sở nâng cấp Trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật Hải Dương; Quyết định số 378/QĐ-TTg ngày 01/3/2013 về việc đổi tên Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Hải Dương thành Trường Đại học Hải Dương; Quyết định số 448/QĐ-TTg ngày 27/4/2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc sáp nhập Trường Cao đẳng Hải Dương vào Trường Đại học Hải Dương;

Căn cứ Thông tư số 23/2021/TT-BGDĐT ngày 30/8/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ;

Căn cứ Quyết định số 1447/QĐ-BGDĐT ngày 26/05/2025 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc cho phép Trường Đại học Hải Dương đào tạo ngành Quản lý giáo dục trình độ thạc sĩ;

Theo đề nghị của Trưởng Phòng Đào tạo sau đại học.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ ban hành kèm theo Quyết định số 555/QĐ-ĐHHD ngày 28/9/2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Hải Dương.

1. Điều 5, khoản 1, điểm a được sửa đổi, bổ sung như sau:

“Điều 5. Đối tượng và điều kiện dự tuyển”

1. Yêu cầu đối với người dự tuyển

a) Yêu cầu về văn bằng

- Đối với ngành Kế toán, ngành Quản lý kinh tế: Người dự tuyển đã tốt nghiệp hoặc đủ điều kiện công nhận tốt nghiệp đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) ngành đúng và ngành phù hợp Nhóm I (Phụ lục 02) hoặc ngành phù hợp Nhóm II, Nhóm III (Phụ lục 02) đã hoàn thành chương trình học bổ sung kiến thức theo quy định của Trường Đại học Hải Dương.

- Đối với ngành ngành Quản lý giáo dục:

+ Người dự tuyển đã tốt nghiệp hoặc đủ điều kiện công nhận tốt nghiệp đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) ngành đúng, ngành phù hợp nhóm I (Phụ lục 02) không phải học bổ sung kiến thức hoặc ngành phù hợp Nhóm II (Phụ lục 02) đã hoàn thành chương trình học bổ sung kiến thức theo quy định của Trường Đại học Hải Dương;

+ Người dự tuyển đã tốt nghiệp hoặc đủ điều kiện công nhận tốt nghiệp đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) ngành phù hợp Nhóm III (Phụ lục 02) đã hoàn thành chương trình học bổ sung kiến thức theo quy định của Trường Đại học Hải Dương và có ít nhất 2 năm thâm niên công tác trong lĩnh vực giáo dục.

b) Yêu cầu về năng lực ngoại ngữ

Có năng lực ngoại ngữ (tiếng Anh) từ Bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam, cụ thể:

- Có Bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên ngành ngôn ngữ nước ngoài (tiếng Anh); hoặc bằng tốt nghiệp đại học trở lên mà chương trình được thực hiện chủ yếu bằng ngôn ngữ nước ngoài (tiếng Anh);

- Có Chứng chỉ ngoại ngữ (tiếng Anh) bậc 3/6 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam được cấp bởi cơ sở đào tạo ngoại ngữ theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo cho phép cấp chứng chỉ còn trong thời hạn 24 tháng kể từ ngày ký, ban hành quyết định tính đến ngày xét tuyển;

- Có một trong các chứng chỉ ngoại ngữ (tiếng Anh) đạt trình độ tương đương Bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam quy định tại Phụ lục 03, Quy chế tuyển sinh vào đào tạo thạc sĩ của Trường hoặc các chứng chỉ tương đương khác do Bộ Giáo dục và Đào tạo công bố, còn trong thời hạn 24 tháng kể từ ngày ký, ban hành quyết định tính đến ngày xét tuyển;

Người dự tuyển không có văn bằng, chứng chỉ ngoại ngữ như quy định ở trên cần đăng ký tham gia và đạt kết quả theo yêu cầu tại kỳ đánh giá năng lực ngoại ngữ (tiếng Anh) do Trường tổ chức. Trường hợp người dự tuyển đã có Thông báo/Quyết định công nhận kết quả đánh giá năng lực tiếng Anh đầu vào thạc sĩ các năm trước của Trường Đại học Hải Dương còn trong thời hạn 24 tháng kể từ ngày ký, ban hành tính đến ngày xét tuyển sẽ được công nhận đạt yêu cầu về năng lực ngoại ngữ. Thông tin cụ thể về các kỳ thi đánh giá năng lực ngoại ngữ sẽ được thông báo trên trang Website của nhà Trường.

2. Điều 6, khoản 7 về chính sách ưu tiên và khoản 8 được sửa đổi như sau:

“7. Đối tượng và chính sách ưu tiên

- Chính sách ưu tiên

Nếu thí sinh đăng ký thi tuyển thuộc đối tượng ưu tiên được cộng vào kết quả thi mười điểm cho môn ngoại ngữ (thang điểm 100) và cộng một điểm (thang điểm 10) cho môn cơ bản.

Nếu thí sinh đăng ký xét tuyển thuộc đối tượng ưu tiên được cộng vào kết quả xét hồ sơ 10 điểm (thang điểm 100).”

“8. Xét tuyển

a) Đối tượng và điều kiện xét tuyển: Theo quy định tại Điều 5 của Quy chế này.

b) Căn cứ vào hồ sơ dự tuyển, ngành dự tuyển của các thí sinh, Chủ tịch Hội đồng tuyển sinh thành lập các Ban giúp việc thực hiện công việc xét tuyển đầu vào

trình độ thạc sĩ của Trường gồm: Ban chấm hồ sơ, Ban chấm bài luận, Ban thư ký, Ban phục vụ... Trong đó, Ban chấm bài luận theo ngành/chuyên ngành có 03 thành viên (gồm 01 trưởng ban và 02 ủy viên) là cán bộ khoa học của Trường hoặc ngoài Trường do Chủ tịch Hội đồng tuyển sinh mời (nếu cần), có trình độ tiến sĩ ngành phù hợp với ngành đào tạo mà thí sinh đăng ký dự tuyển hoặc có trình độ tiến sĩ và thâm niên công tác trong lĩnh vực mà thí sinh đăng ký dự tuyển.

Ban chấm hồ sơ, Ban chấm bài luận có trách nhiệm:

- Tổ chức chấm hồ sơ dự tuyển; chấm bài luận;
- Lập danh sách thí sinh xếp thứ tự theo điểm đánh giá từ cao xuống thấp;
- Gửi kết quả về Ban Thư ký tổng hợp báo cáo Hội đồng tuyển sinh.

d) Chủ tịch Hội đồng tuyển sinh chịu trách nhiệm tổ chức xét tuyển theo đúng quy trình, quy định của Quy chế này. Quy trình xét tuyển thạc sĩ như sau:

- Hội đồng tuyển sinh của Trường thông qua quy định về Hồ sơ đánh giá xét tuyển (Phiếu đánh giá/chấm hồ sơ dự tuyển, Phiếu đánh giá/chấm bài luận, Thang đánh giá, Biên bản đánh giá, Bảng tổng hợp kết quả...) và nguyên tắc xét tuyển.

- Tổ chức tập huấn và thống nhất về Hồ sơ đánh giá xét tuyển.

- Các Ban chấm hồ sơ, Ban chấm bài luận theo ngành/chuyên ngành đánh giá, phân loại thí sinh:

- + Đánh giá (chấm điểm) đối với từng thí sinh qua hồ sơ dự tuyển và bài luận theo ngành/chuyên ngành;

- + Tổng hợp các nhận xét và đánh giá, phân loại thí sinh, lập danh sách thí sinh xếp thứ tự theo điểm đánh giá từ cao xuống thấp và chuyển kết quả về Ban thư ký Hội đồng tuyển sinh.

- Ban Thư ký có trách nhiệm kiểm tra lại hồ sơ thí sinh dự tuyển, trình kết quả xếp loại xét tuyển theo từng ngành/chuyên ngành cho Hội đồng tuyển sinh.

- Hội đồng tuyển sinh căn cứ vào nguyên tắc xét tuyển, chỉ tiêu tuyển sinh và kết quả xét tuyển, xác định danh sách thí sinh trúng tuyển theo từng ngành/chuyên ngành, trình Hiệu trưởng phê duyệt.”

3. Phụ lục 01, Phụ lục 03, Phụ lục 06 của Quy chế được sửa đổi, bổ sung kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký, áp dụng đối với các khóa tuyển sinh từ năm 2025 có hiệu lực thi hành.

Điều 3. Các ông/bà trong Ban Giám hiệu, Trưởng các đơn vị, cá nhân liên quan và học viên học tại Trường Đại học Hải Dương chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Website;
- Hội đồng trường; BGH;
- Như Điều 3;
- Lưu: VT, P. ĐTSĐH.

**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**

<Đã ký>

TS. Nguyễn Thị Thu Hà

**Phụ lục 01. Danh mục ngành phù hợp với ngành đào tạo thạc sĩ
của Trường Đại học Hải Dương**

(Kèm theo 455/QĐ-ĐHHD ngày 27 tháng 5 năm 2025
của Hiệu trưởng Trường Đại học Hải Dương)

STT	NGÀNH TUYỂN SINH		NHÓM I (Các ngành không phải học bổ sung kiến thức)	NHÓM II (Các ngành phải học bổ sung kiến thức 3 học phần)	NHÓM III (Các ngành phải học bổ sung kiến thức 6 học phần)
	Tên ngành	Mã ngành			
1	Kế toán	8340301	Kế toán (mã 7340301)	- Ngành/chuyên ngành học bổ sung kiến thức (BSKT) + Ngành: Kiểm toán (7340302); + Các chuyên ngành kế toán, kiểm toán/kiểm soát và phân tích thuộc các ngành đào tạo khác của các cơ sở giáo dục đào tạo đại học. - Các học phần học BSKT (mỗi học phần học 3 tín chỉ): 1) Kế toán tài chính; 2) Kế toán quản trị; 3) Kế toán hành chính sự nghiệp.	- Ngành/chuyên ngành học BSKT: + Các ngành đào tạo của cơ sở giáo dục đào tạo đại học khác thuộc lĩnh vực Kinh doanh - Quản lý (mã 734), không tính nhóm ngành Kế toán - Kiểm toán (mã 73401, 73402); + Các chuyên ngành: Quản trị kinh doanh; Marketing; Kinh doanh quốc tế; Kinh doanh thương mại; Thương mại điện tử; Kinh doanh thời trang và dệt may; Tài chính - Ngân hàng; Bảo hiểm; Công nghệ tài chính; Khoa học quản lý; Quản lý công; Quản trị nhân lực; Quản trị văn phòng; Quản lý dự án; Hệ thống thông tin quản lý thuộc các ngành đào tạo khác của các cơ sở giáo dục đào tạo đại học.

STT	NGÀNH TUYỂN SINH		NHÓM I (Các ngành không phải học bổ sung kiến thức)	NHÓM II (Các ngành phải học bổ sung kiến thức 3 học phần)	NHÓM III (Các ngành phải học bổ sung kiến thức 6 học phần)
	Tên ngành	Mã ngành			
					- Các học phần học BSKT (mỗi học phần học 3 tín chỉ): 1. Nguyên lý kế toán; 2. Lý thuyết Tài chính - Tiền tệ; 3. Lý thuyết kiểm toán; 4. Kế toán tài chính; 5. Kế toán quản trị; 6. Kế toán hành chính sự nghiệp.
2	Quản lý kinh tế	8310110	Kinh tế (mã 7310101)	- Ngành/chuyên ngành học BSKT: Các ngành thuộc nhóm ngành Kinh tế học (mã 73101). - Các học phần học BSKT (mỗi học phần học 3 tín chỉ): 1. Kinh tế học; 2. Quản trị kinh doanh; 3. Quản lý Nhà nước về kinh tế.	- Ngành/chuyên ngành học BSKT: Các ngành đào tạo còn lại trong “Danh mục thống kê ngành đào tạo các trình độ của giáo dục đại học” hiện hành. - Các học phần học BSKT (mỗi học phần học 3 tín chỉ): 1. Kinh tế học; 2. Quản trị kinh doanh; 3. Lý thuyết tài chính tiền tệ; 4. Quản lý Nhà nước về kinh tế; 5. Kinh tế nguồn nhân lực; 6. Kinh tế quốc tế.

STT	NGÀNH TUYỂN SINH		NHÓM I (Các ngành không phải học bổ sung kiến thức)	NHÓM II (Các ngành phải học bổ sung kiến thức 3 học phần)	NHÓM III (Các ngành phải học bổ sung kiến thức 6 học phần)
	Tên ngành	Mã ngành			
3	Quản lý giáo dục	8140114	Quản lý giáo dục (mã 7140114)	- Ngành/chuyên ngành học BSKT: + Giáo dục học (7140101). + Công nghệ giáo dục (7140103). + Các ngành thuộc nhóm ngành đào tạo giáo viên (Mã số 71402). - Các học phần học BSKT (mỗi học phần học 3 tín chỉ): 1. Khoa học quản lý đại cương; 2. Quản lý giáo dục đại cương; 3. Phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục.	- Ngành/chuyên ngành học BSKT: Các ngành khác có các minh chứng phù hợp với các điều kiện của ngành Quản lý giáo dục. - Các học phần học BSKT (mỗi học phần học 3 tín chỉ): 1. Khoa học quản lý đại cương; 2. Quản lý giáo dục đại cương; 3. Phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục; 4. Tâm lý học; 5. Lý luận dạy học và lý luận giáo dục; 6. Những vấn đề chung về giáo dục học.

** Lưu ý:*

- Người dự tuyển được miễn học và thi học phần học phần bổ sung kiến thức nếu học phần đó đã được tích lũy ở bậc đại học và thỏa mãn đồng thời các điều kiện sau: (1) Tên học phần ghi trong bảng điểm đại học hoàn toàn trùng khớp với tên học phần học phần bổ sung kiến thức; (2) Số tín chỉ của học phần đã tích lũy lớn hơn hoặc bằng số tín chỉ của học phần học phần bổ sung kiến thức; (3) Điểm học phần đạt từ điểm C (đối với thang điểm chữ), từ điểm 2,0 (đối với thang điểm 4), từ điểm 5,5 (đối với thang điểm 10) trở lên.

- Các quy định khác về học bổ sung kiến thức thực hiện theo Quy chế tuyển sinh và đào tạo thạc sĩ hiện hành của Trường.

**Phụ lục 03. Bảng tham chiếu quy đổi một số văn bằng
hoặc chứng chỉ ngoại ngữ tương đương bậc 3 và bậc 4 khung năng lực ngoại ngữ
6 bậc dùng cho Việt Nam áp dụng trong tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ
(Kèm theo 455/QĐ-ĐHHD ngày 27 tháng 5 năm 2025
của Hiệu trưởng Trường Đại học Hải Dương)**

Ngôn ngữ	Chứng chỉ / Văn bằng	Trình độ/Thang điểm	
		Tương đương Bậc 3	Tương đương Bậc 4
Tiếng Anh	TOEFL iBT	30-45	46-93
	TOEFL ITP	450-499	
	IELTS	4.0 - 5.0	5.5 -6.5
	Cambridge Assessment English	B1 Preliminary/B1 Business Preliminary/ Linguaskill. Thang điểm: 140-159	B2 First/B2 Business Vantage/ Linguaskill. Thang điểm: 160-179
	TOEIC (4 kỹ năng)	Nghe: 275-399 Đọc: 275-384 Nói: 120-159 Viết: 120-149	Nghe: 400-489 Đọc: 385-454 Nói: 160-179 Viết: 150-179
	Aptis ESOL	B1	B2
	PEIC	Level 2	Level 3
	PTE Academic	43-58	59-75

Phụ lục 06. Tiêu chí và thang điểm trúng tuyển
(Kèm theo 455/QĐ-ĐHHD ngày 27 tháng 5 năm 2025
của Hiệu trưởng Trường Đại học Hải Dương)

I. Tiêu chí đánh giá

Tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Thang điểm	Điểm tối đa (điểm)
1	Xếp loại bằng tốt nghiệp đại học		70
	- Xuất sắc	10	
	- Giỏi	9	
	- Khá	8	
	- Trung bình khá	7,5	
	- Trung bình	7	
	(Điểm xét hồ sơ = Điểm xếp loại bằng tốt nghiệp đại học *7)		
2	Bài luận chuyên ngành <i>Bài luận chuyên ngành của thí sinh dự tuyển có nội dung phù hợp với ngành/chuyên ngành đăng ký xét tuyển trình độ thạc sĩ, dài không quá 3.000 từ và đạt điểm tối thiểu 10 điểm. Nội dung bài luận đảm bảo các tiêu chí sau:</i>	20	20
	- Mục tiêu và mong muốn đạt được khi đăng ký chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ		
	- Lý do lựa chọn cơ sở đào tạo		
	- Dự định hướng nghiên cứu và nêu rõ lý do		
3	Công trình nghiên cứu đã công bố		10
	- Sách, giáo trình, bài báo đăng trên các tạp chí khoa học chuyên ngành	3	
	- Các báo cáo đăng trên kỉ yếu hội nghị, hội thảo khoa học chuyên ngành	2	
	- Đạt giải thưởng từ cấp trường đến cấp Bộ Giáo dục và Đào tạo (đối với thí sinh dự tuyển vào các ngành sư phạm) + Giải nhất	2	
	+ Giải nhì	1	
	+ Giải ba	0,5	
	- Có công bố khoa học liên quan đến lĩnh vực học tập, nghiên cứu (do Hội đồng đánh giá, cho điểm; điểm tối đa: 3 điểm)	3	
	Cộng		100

II. Điều kiện trúng tuyển/nguyên tắc xét tuyển:

<Điểm xét tuyển> = **<Điểm tiêu chí 1>** + **<Điểm tiêu chí 2>** + **<Điểm tiêu chí 3>** + **<Điểm đối tượng ưu tiên>**

Điểm đối tượng ưu tiên: 10 điểm (thang điểm 100).

Người dự tuyển được xác định là trúng tuyển khi có **Điểm xét tuyển** đạt từ 50 điểm trở lên và điểm bài luận đạt tối thiểu 10 điểm.

Điểm trúng tuyển lấy từ trên cao xuống của từng thí sinh căn cứ theo chỉ tiêu của từng ngành.

Trường hợp có nhiều thí sinh cùng tổng **Điểm xét tuyển** nêu trên (đã cộng cả điểm đối tượng ưu tiên nếu có) thì xác định người trúng tuyển theo thứ tự ưu tiên sau: (1) *Điểm tiêu chí 1*; (2) *Điểm tiêu chí 2*; (3) *Điểm tiêu chí 3*.